

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 07-7-2021

V/v: tranh chấp hợp đồng ứng vốn thu mua
mía nguyên liệu và hợp đồng thế chấp quyền
sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đây

Ông Diệp Cha Tha

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS, ngày 08/01/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng ứng vốn thu mua mía nguyên liệu và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 17/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty CPMD TV. Địa chỉ: ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Thu H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền của Đặng Thị Thu H: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1955. Địa chỉ số 3, ngõ 6, PhVTr, HN và bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1971. Địa chỉ liên lạc: ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thái Văn G, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

Ông Trương Ph H, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bà Võ Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/4/2021 của Công ty CPMĐ TV do bà Đặng Thị Thu H là người đại diện theo pháp luật trình bày: Ngày 18/11/2016 (vụ sản xuất năm 2016- 2017) Công ty CPMĐ TV (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông Thái Văn G có ký hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL về việc mua mía nguyên liệu do ông G cung cấp cho Công ty với sản lượng vụ năm 2016- 2017 là 15.000 tấn mía cây. Sau đó, Công ty đã cho ông G ứng số tiền 100.000.000 đồng để thu mua mía nguyên liệu theo Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL ngày 06/01/2017. Khoản tiền 100.000.000 đồng này được ông Trương Ph H và bà Võ Thị T ký Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 để đảm bảo bằng quyền sử dụng đất diện tích 330m², loại đất ở tại nông thôn 183,5m², đất trồng cây lâu năm 146,5m², thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện TrC cấp giấy chứng nhận cho ông Trương Ph H ngày 15/5/2006.

Ngoài ra, ngày 25/11/2016 ông Thái Văn G còn ứng trước của Công ty số tiền 150.000.000 đồng thông qua ông Trần Ngọc H, là Phó giám đốc Công ty, số tiền này cũng được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất diện tích 330m² theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017. Theo cam kết tại đơn đề nghị ứng tiền thì số tiền 150.000.000 đồng nói trên sẽ được trừ vào 50% giá trị mía nhập từng đợt trong vụ năm 2016- 2017 cho Công ty, nhưng ông G nhập mía cho Công ty không đúng theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng và cho đến nay ông G vẫn chưa trả hai khoản tiền nói trên cho Công ty. Ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lan A là người đại diện cho Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn G (chỉ yêu cầu một mình ông G) phải trả cho Công ty các khoản như sau:

- Thứ nhất, số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 10/01/2017 đến ngày **07/7/2021 (trong hạn 7,2%/năm, quá hạn 10,8%/năm) số tiền bằng 46.129.315** và trả lãi suất phát sinh sau ngày 07/7/2021 theo mức lãi suất quá hạn 10,8%/năm.

- Thứ hai, yêu cầu ông Thái Văn G trả cho Công ty số nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi tính từ ngày **25/11/2016 đến ngày 07/7/2021 (lãi trong hạn 7,2%/năm, lãi suất quá hạn 10,8%/năm) với số tiền bằng 69.193.973 đồng** và trả lãi suất phát sinh.

- Trường hợp ông Thái Văn G không trả nợ cho Công ty thì yêu cầu Tòa án xử lý phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 480138, do Ủy ban nhân dân huyện Tr C cấp cho ông Trương Ph H ngày 15/5/2006 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty. Ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lan A xác định số tiền 150.000.000 đồng ông G nhận ngày 25/11/2016 là tiền của Công ty do ông H đại diện Công ty ứng tiền từ Công ty giao cho ông G chứ không phải tiền cá nhân của ông H cho ông G vay. Ngoài ra, ông H xác định đến nay ông G không có nợ cá nhân ông H khoản tiền nào.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn G trình bày: Ông Thái Văn G thống nhất có ký kết với Công ty Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL, ngày 18/11/2016 và Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 như đại diện Công ty trình bày là đúng. Theo các hợp đồng nói trên, ngày 10/01/2017 Công ty có chuyển khoản cho ông (qua Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tr C) số tiền 100.000.000 đồng, khoản tiền này được ông Trương Ph H và bà Võ Thị T đảm bảo bằng quyền sử dụng đất diện tích 330m²,

thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL, ngày 06/01/2017.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng còn lại ông G thừa nhận có ứng (nhận) trực tiếp từ ông Trần Ngọc H, Phó giám đốc Công ty ngày 25/11/2016 là có thật. Trong số tiền 150.000.000 đồng theo giấy “Đề nghị tạm ứng tiền thu mua mía” ghi ngày 25/11/2016 thì không có hợp đồng riêng mà ứng tiền theo Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL 18/11/2016 và cũng không có đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017. Nội dung giấy “Đề nghị tạm ứng tiền thu mua mía” ghi ngày 25/11/2016 có ghi **“số tiền ứng trên kèm theo hợp đồng đã ký với công ty (cy) cùng tài sản thế chấp”** thực tế lúc đó là ông và Công ty thỏa thuận dự kiến sau này ông sẽ lấy tài sản của cá nhân ông để thế chấp cho Công ty, nhưng sau đó không có thế chấp tài sản nào cho khoản tiền 150.000.000 đồng này.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Văn G đồng ý để ông Ph H, bà T sẽ thay ông hoàn trả cho Công ty toàn bộ số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ; trường hợp ông Ph H, bà T không trả được nợ thì Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích 330m², loại đất ở tại nông thôn 183,5m², đất trồng cây lâu năm 146,5m², thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh do ông Trương Ph H và bà Võ Thị T thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 để thu hồi nợ. Sau này giữa ông với ông Ph H, bà T sẽ thỏa thuận giải quyết với nhau về khoản tiền mà ông Ph H, bà T thay ông hoàn trả cho Công ty. Đối với khoản tiền 150.000.000 đồng còn lại bà Lan A và ông H đại diện cho Công ty đã xác định đây là tiền của Công ty cho ông ứng ngày 25/11/2016 thì ông cũng đồng ý hoàn trả nợ gốc cho Công ty, xem như ông không có nợ cá nhân ông Trần Ngọc H khoản tiền này; do làm ăn thua lỗ nên ông G đề nghị Công ty xem xét không tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2021 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Ph H trình bày: Thừa nhận ngày 06/01/2017 vợ chồng ông có ký kết với Công ty Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL với nội dung thế chấp cho Công ty diện tích 330m², thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh để đảm bảo cho khoản tiền ông G ứng của Công ty 100.000.000 đồng theo Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 ký kết giữa ông G với Công ty. Qua yêu cầu khởi kiện của Công ty thì vợ chồng ông xin chịu trách nhiệm trả thay ông G toàn bộ nợ gốc và nợ lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng nói trên, kể cả tiền lãi phát sinh sau ngày 07/7/2021 với mức lãi suất 10,8%/năm, nếu vợ chồng ông không trả được nợ thì đồng ý cho Công ty yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án. Đối với 150.000.000 đồng còn lại ông G ứng của Công ty ông không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp của mình nên Công ty yêu cầu xử lý luôn diện tích 330m², thửa 1166 nói trên để đảm bảo cho khoản nợ 150.000.000 đồng và lãi phát sinh thì vợ chồng ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T có lời trình bày và ý kiến như ông Trương Ph H và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Ngày 18/11/2016 ông G và Công ty có ký kết Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL về việc ông G cung cấp sản lượng mía vụ năm 2016-2017 cho Công ty là 15.000 tấn mía cây. Trên cơ sở hợp đồng này, Công ty với ông G mới ký kết tiếp Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 về việc Công ty cho ông G ứng vốn 100.000.000 đồng. Ngày 06/01/2017 ông H, bà T ký kết với Công ty Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL thế chấp tài sản của ông H, bà T để đảm bảo cho khoản tiền 100.000.000 đồng mà Công ty cho ông G ứng vốn. Như vậy, đây là tra chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, nhưng tại mục 6.3 Điều 6 của Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL và tại mục 5.1 Điều 5 Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 giữa Công ty với ông G, ông Ph H, bà T thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết tranh chấp là thỏa thuận không đúng thẩm quyền cấp Tòa án nên thỏa thuận này bị vô hiệu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc tra chấp về quan hệ hợp đồng giữa Công ty với ông Thái Văn G, ông H là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

[2] Bị đơn ông Thái Văn G có lời khai thừa nhận có ký kết với Công ty Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL 18/11/2016 và Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL ngày 06/01/2017 với các nội dung và điều khoản thỏa thuận như người đại diện của Công ty trình bày là đúng. Theo các hợp đồng nói trên, vào ngày 10/01/2017 Công ty có chuyển khoản cho ông G qua Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện TrC số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông G xác định còn nợ Công ty số tiền này chưa tha toán, kể cả tiền lãi theo thỏa thuận. Đối với việc nhập mía nguyên liệu thì các bên đã tha toán xong mà không khấu trừ gì vào khoản nợ này. Ông Trương Ph H có ý kiến tự nguyện là vợ chồng ông Hồng sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty thay cho ông G số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh với mức lãi suất trong hạn bằng 7,2%/năm (lãi suất quá hạn 10,8%/năm) với số tiền bằng 46.129.315 đồng, kể cả lãi suất sau ngày 07/7/2021 bằng mức lãi suất 10,8%/năm; trường hợp ông Ph H, bà T không trả được nợ thì Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất diện tích 330m², thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017. Qua ý kiến của ông Ph H như trên thì ông G và đại diện Công ty thống nhất. Xét việc thỏa thuận của các đương sự về nội dung này là tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Đối với khoản tiền 150.000.000 đồng: Tại phiên tòa, ông H xác định đây là tiền ông H tạm ứng từ Công ty theo phiếu thu số PT 1116/055 ngày 25/11/2016 để giao lại cho ông G chứ không phải tiền cá nhân của ông H cho ông G vay, giữa ông H và ông G không có nợ vay cá nhân với nhau; bà Lan A đại diện cho Công ty có lời khai thống nhất như lời khai ông H là số tiền 150.000.000 đồng Công ty kiện ông G là tiền của Công ty do ông H tạm ứng và giao lại cho ông G theo “Giấy đề nghị tạm ứng tiền thu mua mía” ngày 25/11/2016. Bị đơn ông G thừa nhận có nhận và còn nợ Công ty số tiền 150.000.000 đồng như trên là đúng. Theo “Giấy đề nghị tạm ứng tiền thu mua

mía” ngày 25/11/2016 do ông G viết và ký tên có nội dung ông G ứng tiền là ứng của Công ty thông qua ông H là người đại diện của Công ty, trong giấy đề nghị của ông G còn có nội dung phương thức tha toán khoản tiền 150.000.000 đồng này là tha toán cho Công ty và được trừ vào 50% sản lượng mía nhập cho Công ty. Như vậy, có căn cứ xác định 150.000.000 đồng ông G nhận ngày 25/11/2016 từ ông H là tiền của Công ty.

[4] Tại phiên tòa, ông H, ông G, bà Lan A xác định trước ngày 18/11/2016 (ngày ký kết Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL) giữa Công ty và ông G không có ký kết hợp đồng nào khác. Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL các bên ký kết ngày 18/11/2016, theo “Giấy đề nghị tạm ứng tiền thu mua mía” ghi ngày 25/11/2016 thể hiện ông G nhận ứng số tiền 150.000.000 đồng và ghi nội dung ứng kèm theo hợp đồng. Tuy giấy đề nghị ngày 25/11/2016 không ghi rõ là kèm theo hợp đồng nào nhưng theo các tài liệu do Công ty cung cấp có căn cứ ông G ứng tiền 150.000.000 đồng là kèm theo Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL ngày 18/11/2016 (ứng sau ngày ký kết hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL là 07 ngày). Bị đơn ông G không chứng minh được ngày nhận tiền là sau ngày 25/11/2016 nên ông G phải có nghĩa vụ trả lãi suất theo quy định của pháp luật theo mốc thời hạn từ ngày 25/11/2016.

[5] Đối với Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL thể hiện ông G ký kết với Công ty ngày 06/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL thể hiện ký kết giữa ông Ph H, bà T với Công ty ngày 06/01/2017 và được cơ quan đăng ký thế chấp đăng ký ngày 07/01/2017; tức là Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL và Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL được ký kết sau ngày 25/11/2016 (ngày ông G ứng số tiền 150.000.000 đồng). Như vậy, vào ngày 25/11/2016 thì chưa phát sinh hợp Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ký kết giữa Công ty với ông Ph H, bà T. Vì vậy, người đại diện cho Công ty cho rằng khoản tiền 150.000.000 đồng ông G tạm ứng ngày 25/11/2016 cũng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của ông Ph H, bà T theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL là không hợp lý về thời gian.

Mặt dù tại “Giấy đề nghị tạm ứng tiền thu mua mía” ngày 25/11/2016 có ghi “số tiền 150.000.000 đồng ứng kèm theo hợp đồng đã ký với Công ty cùng tài sản thế chấp” nhưng khoản tiền 150.000.000 đồng này sau đó giữa ông G và Công ty không có thỏa thuận bằng văn bản nào khác và cho đến nay theo nội dung Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ghi nhận quyền và nghĩa vụ của các bên tại Điều 3, theo đó ông Ph H, bà T (bên thế chấp) chỉ có nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản tiền ông G vay theo Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL bằng 100.000.000 đồng mà các bên không có ký thêm thỏa thuận thế chấp bổ sung nào khác và cũng không được cơ quan đăng ký thế chấp thực hiện đăng ký thế chấp bổ sung nên việc Công ty yêu cầu xử lý tài sản của ông Ph H, bà T để đảm bảo luôn cho khoản tiền ông G ứng 150.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, khi ông G, ông Ph H, bà T đã thanh toán xong các khoản nợ liên quan đến số tiền 100.000.000 đồng mà ông G nhận ngày 10/01/2017 thì Công ty phải có nghĩa vụ trả lại ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1166 cho ông Ph H theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Trong nội dung Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL ký kết giữa Công ty với ông G không có điều khoản thỏa thuận nghĩa vụ trả lãi, mức lãi suất như thế nào; không có

thỏa thuận thời hạn bắt đầu tính lãi quá hạn mà chỉ thỏa thuận kết thúc vụ mùa 2016-2017; ông G không đồng ý trả lãi của khoản tiền này. Như vậy, trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 được xem là có tranh chấp về mức lãi suất. Theo nội dung bảng đề nghị xin gia hạn thu hồi vốn mua mía ngày 31/3/2017 của ông G và theo bảng kê tính lãi ngày 07/7/2021 của Công ty đã tính lãi quá hạn cho ông G ngày 31/3/2017. Như vậy, ông G và Công ty xác định ngày ông G vi phạm nghĩa vụ trả vốn là ngày 31/3/2017. Như đã phân tích, số tiền 150.000.000 đồng không bị ràng buộc bởi thỏa thuận nghĩa vụ trả lãi, mức lãi suất giống như nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng ứng vốn số 14/HĐUV-ĐTV-NL. Phía đại diện Công ty không cung cấp được văn bản chứng minh có sự thỏa thuận nào khác với ông G về mức lãi suất trong hạn, quá hạn bằng bao nhiêu đối với khoản tiền 150.000.000 đồng cho nên trường hợp này căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền 150.000.000 đồng được tính lãi về việc ông G chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm, kể từ 01/4/2017 đến ngày 07/7/2021 (04 năm 99 ngày) theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi tính như sau: (Số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng x 10%/năm x 04 năm, 03 tháng 09 ngày = 64.125.000 đồng).

[7] Bị đơn ông G và Công ty không có tranh chấp về số lượng, chất lượng hàng hóa đã mua bán, chi phí thu gom, hỗ trợ, phạt vi phạm theo Điều 4 của Hợp đồng số: 64/HĐ-ĐTV-NL; Tòa án có giải thích quyền phản tố nhưng ông G chưa yêu cầu giải quyết về tiền bù chênh lệch giá trữ đường nên không xem xét trong vụ án này.

[8] Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Đối với ông Trương Ph H, bà Võ Thị T thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho ông Hồng, bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 92, 147, 227 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 280, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 2 và Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty CPMĐ TV yêu cầu ông Thái Văn G hoàn trả 250.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi theo quy định của pháp luật và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Công nhận sự thỏa thuận về việc ông Trương Ph H, bà Võ Thị T sẽ có trách nhiệm trả cho Công ty CPMĐ TV số tiền: 146.129.315 (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười lăm) đồng thay cho bị đơn ông Thái Văn G. Trong đó bao gồm nợ gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và nợ lãi bằng 46.129.315 (Bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười lăm) đồng. Công nhận sự tự nguyện của ông Ph H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn G hoàn trả lại số tiền mà ông Hồng, bà T trả thay nói trên cho ông Ph H, bà T trong vụ án này.

Kể từ ngày 08/7/2021 cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng bằng 10,8%/năm.

Trường hợp ông Ph H, bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Công ty CPMĐ TV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của diện tích 330m², loại đất ở tại nông thôn 183,5m², đất trồng cây lâu năm 146,5m², thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNgh A, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, do Ủy ban nhân dân huyện Tr C cấp giấy chứng nhận cho ông Trương Ph H ngày 15/5/2006 theo Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-ĐTV-NL ngày 06/01/2017.

Khi ông Trương Ph H, bà Võ Thị T tha toán xong các khoản nợ liên quan đến số tiền 100.000.000 đồng nói trên thì Công ty CPMĐ TV phải có nghĩa vụ trả lại ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 480138, có diện tích 330m², loại đất ở tại nông thôn 183,5m², đất trồng cây lâu năm 146,5m², thửa 1166, tờ bản đồ 2, tọa lạc ấp Ch, xã LNghA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, do Ủy ban nhân dân huyện Tr C cấp giấy chứng nhận cho ông Trương Ph H ngày 15/5/2006 cho ông Ph H, bà T.

Buộc ông Thái Văn G có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty CPMĐ TV số tiền: 214.125.000 (Hai trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi bằng 64.125.000 (Sáu mươi bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Ph H, bà Võ Thị T. Buộc ông Thái Văn G phải chịu 10.706.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm (214.125.000 đồng x 5%).

Buộc Công ty CPMĐ TV phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với khoản tiền 150.000.000 đồng không được Tòa án chấp nhận và phải chịu 300.000 đồng đối với số tiền lãi chênh lệch 5.068.973 đồng không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty CPMĐ TV đã nộp 3.253.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005864, ngày 06/01/2020 và số tiền tạm ứng án phí Công ty CPMĐ TV đã nộp bằng 5.393.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004864, ngày 05/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TrC. Hoàn trả cho Công ty CPMĐ TV số tiền chênh lệch bằng: 8.046.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện TrC;
- CCTHADS huyện TrC;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Truyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Cha Tha- Võ Văn Đây

Nguyễn Văn Truyền

